

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 522/2023/TLST-DS ngày 02/11/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; đại chỉ: Số A đường N, phường V, Quận M, Thành Phố Hồ Chí Minh, do Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Xuân T1, sinh năm 1976 – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: Số D8, đường H, tổ J, khu phố K, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền số: 12/2022/GUQ-CNBC ngày 30/12/2022).

- Bị đơn: Ông Đỗ Nguyễn Long T, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Mai Xuân T1 có mặt; bị đơn ông Đỗ Nguyễn Long T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Xuân T1 trình bày:**

- Ngày 31/3/2021, ông T đã ký kết hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 25/2021 ngày 31/3/2021 giữa Ngân hàng S với ông Đỗ Nguyễn Long T, ông T được cấp số thẻ tín dụng là 472074-4401. Theo đó Ngân hàng S đồng ý cho ông T vay tín dụng với hạn mức là 30.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Sau khi ông T được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các khoản giao dịch và các khoản phải trả với tổng số tiền là 143.258.490 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 10/7/2023 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là 111.693.294 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 10/7/2023, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/4/2024, ông T còn nợ tổng Ngân hàng S tổng số tiền là 42.849.714 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 30.674.313 đồng, lãi quá hạn là 12.175.401 đồng.

- Ngày 25/6/2022, ông T tiếp tục vay của Ngân hàng S cũng bằng hình thức thẻ tín dụng với số thẻ là 356480-1138, với hạn mức là 12.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Sau khi ông T được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các khoản giao dịch và các khoản phải trả với tổng số tiền là 13.776.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 26/7/2023 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là 11.364.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 22/4/2024, ông T còn nợ tổng Ngân hàng S tổng số tiền là 2.882.988 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.412.000 đồng, lãi quá hạn là 470.988 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng S toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/4/2024 là 45.732.702 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 22/4/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số thẻ 472074-4401 và số thẻ 356480-1138.

- *Chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng S cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 của Ngân hàng S (bản gốc); Hồ sơ tư cách pháp nhân, tư cách đại diện nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bản sao); Hồ sơ tín dụng (bản sao); 04 Tóm tắt sao kê (bản gốc); Bản tự khai ngày 22/4/2024 của ông Mai Xuân T1 (bản gốc).

*** Bị đơn ông Đỗ Nguyễn Long T:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T, tuy nhiên ông T không thường xuyên có mặt tại địa chỉ cư trú. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đã thực hiện thủ tục niêm

yết công khai nhưng phía ông T không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông T1 có mặt; bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T1 có mặt; bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T1 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S: Ngân hàng S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng S toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/4/2024 là 45.732.702 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 22/4/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số thẻ 472074-4401 và số thẻ 356480-1138.

Xét thấy, bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp Long Chiêu, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 25, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T1 có mặt, bị đơn ông T vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sẽ xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông T tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do; đồng thời ông T cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình. Phía Ngân hàng S cung cấp chứng cứ là hồ sơ tín dụng và Tòa án đã công khai niêm yết chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn không có phản hồi. Theo

quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định ông T đã thanh toán số tiền nợ vay nói trên cho Ngân hàng S nên ông T đã vi phạm thỏa thuận tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” số 25/2021 ký kết ngày 31/3/2021. Do đó, ông T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày 22/4/2024 là 45.732.702 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 22/4/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số thẻ 472074-4401 và số thẻ 356480-1138.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 25, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng S đối với ông Đỗ Nguyễn Long T.

1.1. Buộc ông Đỗ Nguyễn Long T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024 là 45.732.702 đồng (*bốn mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm lẻ hai đồng*), trong đó đối với số thẻ 472074-4401 số tiền là 42.849.714 đồng (*bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn đồng*) và đối với số thẻ 356480-1138 là 2.882.988 đồng (*hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn chín trăm tám mươi tám đồng*).

1.2. Kể từ sau ngày 22/4/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vay, ông Đỗ Nguyễn Long T vẫn phải chịu tiền lãi suất quá hạn, lãi chậm trả theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số thẻ 472074-4401 và số thẻ 356480-1138.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Đỗ Nguyễn Long T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.286.635 đồng (*hai triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 789.130 đồng (*bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm ba mươi đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009554 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/4/2024).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng